

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 739/2022/KDTM-PT  
Ngày: 08-12-2022  
V/v Tranh chấp hợp đồng vận  
chuyển, mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trương Thị Quỳnh Trâm

*Các Thẩm phán:* Bà Trương Thị Thảo

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

**Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Ngọc Thy Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân  
Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia  
phiên tòa:** Bà Vũ Thị Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 08-12-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh  
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 101/2022/TLPT-KDTM ngày 05-10-  
2022 về “Tranh chấp hợp đồng vận chuyển, mua bán hàng hóa”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 1235/2022/KDTM-ST ngày 08-7-2022 của  
Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5273/2022/QĐ-PT ngày 19-10-  
2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 12881/2022/QĐ-PT ngày 10-11-2022, giữa  
các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ông Võ Văn H – Chủ DNTN TH

Địa chỉ: Quốc lộ 51, thị trấn PM, huyện TT, tỉnh BR-VT.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm  
1972; địa chỉ: Số 286 đường NVN, Phường U, quận GV, Thành phố Hồ Chí  
Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy ngày 06-3-2018) (có mặt).

*Bị đơn:* Công ty G

Địa chỉ: 127 ĐTH, Phường E, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm  
1955; địa chỉ: 36A NLB, phường Ô CD, quận DD, Thành phố Hà Nội (vắng  
mặt); bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1972; địa chỉ: 482/10/48 NTL, Phường QE,

quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (có mặt)  
(Văn bản ủy số 15/2022/GUQ ngày 01-11-2022)

**Người kháng cáo:** Bị đơn Công ty G.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 03-6-2018, bản tự khai và các biên bản tại Tòa án đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 08-02-2012, nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT-2012 về việc vận chuyển đá tại mỏ đá Thường Tân II, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương về chân công trình thầu số 2 cảng Thị Vải với số tiền là 2.200.000.000 đồng (đơn giá 110.000 đồng/m<sup>2</sup>).

Ngày 08-3-2012, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD-2012 để điều chỉnh đơn giá từ 110.000 đồng/m<sup>2</sup> lên 114.000 đồng/m<sup>2</sup>.

Ngày 01-7-2012, hai bên ký Hợp đồng kinh tế số 25/HĐKT-2012 về việc vận chuyển nhựa tại công trình trạm bê tông nhựa nóng 710-Penta, vận chuyển 30.000 tấn với giá trị hợp đồng là 1.350.000.000 đồng (đơn giá 45.000 đồng/tấn).

Ngày 25-7-2012, hai bên tiếp tục ký Hợp đồng số 23-12/HĐVT để mua các loại đá (tùy theo khối lượng thực tế) với đơn giá 240.000 đồng/m<sup>2</sup>, riêng đá 1 x 2 là 280.000 đồng/m<sup>2</sup> để phục vụ công trình núi Dinh, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng, hai bên đều tiến hành đối chiếu khối lượng giao nhận thực tế và làm nghiệm thu khối lượng sau đó xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Nguyên đơn đã hoàn thành xong công việc theo hợp đồng.

Ngày 31-8-2015, nguyên đơn lập biên bản xác nhận công nợ và gửi cho bị đơn trong đó xác định bị đơn còn nợ số tiền 836.702.380 đồng.

Cùng ngày 31-8-2015, bị đơn có công văn số 93/TCKT 710 về việc thanh toán công nợ gửi cho nguyên đơn với nội dung xác nhận số nợ là 486.702.387 đồng, xin được giãn thời hạn thanh toán và xin không tính lãi nhưng nguyên đơn không đồng ý.

Nguyên đơn nhiều lần nhắc nợ nhưng bị đơn không thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền gốc là 836.702.380.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tạm tính từ tháng 9-2015 đến tháng 02-2018 là 836.702.380.000 đồng x 0,75% x 32 tháng là 200.808.571 đồng.

Ngày 19-10-2018, nguyên đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo Điều 3 của Hợp đồng số 23-12/HĐVT ngày 25-7-2012, tạm tính từ tháng 09-2015 đến tháng 8-2018 là: 836.702.380.000 đồng x 0.75%/tháng = 188.258.035 đồng và yêu cầu đưa ông Nguyễn Thái A vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngày 30-7-2019, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc trả nợ gốc là 350.000.000 đồng và rút yêu cầu đưa ông Nguyễn Thái A vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tại đơn này, nguyên

đơn xác định yêu cầu khởi kiện: Tiền nợ gốc là 486.702.380 đồng; tiền lãi chậm thanh toán (tạm tính từ tháng 09-2015 đến tháng 8-2018 với mức lãi suất là 1,5%/tháng là:  $486.702.380 \text{ đồng} \times 30 \text{ tháng} \times 1,5\%/\text{tháng} = 219.016.071 \text{ đồng}$ ).

Tại phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi cách tính lãi yêu cầu bị đơn trả tiền lãi theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền nợ gốc, cụ thể là  $486.702.380 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 82 \text{ tháng}$  (từ ngày 01-9-2015 đến ngày xét xử là ngày 08-7-2022 làm tròn là 82 tháng) = 331.249.640 đồng.

Tổng số tiền mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn là  $486.702.380 \text{ đồng} + 331.249.640 \text{ đồng} = 817.952.020 \text{ đồng}$ .

*Tại bản tự khai và các biên bản làm việc tại Toà án, bị đơn Công ty G do bà Bà Đình Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Minh H là đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Bị đơn thừa nhận bị đơn đã gửi cho nguyên đơn công văn số 93/TCKT 710 ngày 31-8-2015 về việc thanh toán công nợ, trong đó, xác nhận còn nợ của nguyên đơn số tiền 486.702.387 đồng và xin được giãn thời hạn thanh toán và không tính lãi. Tại bản giải trình thời hiệu khởi kiện ngày 04-12-2018, bị đơn yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải 11-9-2020 của Toà án, bị đơn không yêu cầu Toà áp dụng thời hiệu khởi kiện vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 1235/2022/KDTM-ST ngày 08-7-2022 của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H- Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH.

Buộc Công ty G phải thanh toán cho ông Võ Văn H- Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH số tiền gốc là 486.702.380 đồng, tiền lãi là 331.249.640 đồng, tổng số tiền là 817.952.020 (Tám trăm mười bảy triệu, chín trăm năm mươi hai ngàn, không trăm hai mươi) đồng theo Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT-2012 ngày 08-02-2012; Hợp đồng kinh tế số 25/HĐKT ngày 01-7-2012 và Hợp đồng cung ứng vật tư số 23-12/HĐVT ngày 25-7-2012 đã ký giữa ông Võ Văn H- Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH và Công ty G.

Kể từ ngày ông Võ Văn H- Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty G chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán nêu trên thì Công ty G còn phải trả cho nguyên đơn tiền lãi đối với số tiền chậm thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chậm thanh toán.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty G phải trả số tiền 350.000.000 đồng.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm

3.1 Công ty G phải nộp án phí là 36.528.561 đồng (*Ba mươi sáu triệu năm trăm hai mươi tám ngàn năm trăm sáu mươi một đồng*).

3.2 Hoàn trả cho ông Võ Văn H- Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.563.000 đồng (*Hai mươi một triệu năm trăm sáu mươi ba ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0004265 ngày 05-4-2018 và tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.707.000 đồng (*Bốn triệu bảy trăm lẻ bảy ngàn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0005706 ngày 30-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo, quyền thi hành án của đương sự theo luật định.

Sau khi Toà án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử, ngày 19-8-2022, Công ty G có Đơn kháng cáo đề ngày 18-8-2022 và Đơn sửa đổi bổ sung đơn kháng cáo đề ngày 24-8-2022, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì Toà án cấp sơ thẩm xét xử không xem xét đầy đủ các chứng cứ có trong vụ án, không xem xét lời khai của Cổ phần xây dựng Công trình Giao thông 710 để ra quyết định không khách quan, không công bằng. Đề nghị cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc là 486.702.380 đồng, tiền lãi là 331.249.640 đồng, tổng số tiền là 817.952.020 đồng. Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không có cơ sở, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đã hết thời hiệu khởi kiện.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 1235/2022/KDTM-ST ngày 08-7-2022 của Toà án nhân dân quận Bình Thạnh.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tại phiên tòa, các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền phát sinh từ các Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT-2012 ngày 08-02-2012; Hợp đồng kinh tế số 25/HĐKT ngày 01-7-2012 và Hợp đồng cung ứng vật tư số 23-12/HĐVT ngày 25-7-2012. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là tranh chấp về hợp đồng vận chuyển và mua bán hàng hoá; bị đơn có trụ sở tại quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nên Toà án nhân dân quận Bình Thạnh xét xử sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. người đại diện hợp pháp của bị đơn nhận được Bản án ngày 16-8-2022, Đơn kháng cáo của bị đơn gửi đến Toà án cấp sơ thẩm ngày 19-8-2022 là còn trong thời hạn luật định, kháng cáo của bị đơn hợp lệ nên Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Xét kháng cáo của bị đơn về việc các chứng từ, tài liệu mà nguyên đơn cung cấp không rõ ràng, cụ thể: Bảng tổng hợp, đối chiếu khối lượng do DNTN TH tự lập, không rõ của hợp đồng nào; Hoá đơn VAT không khớp thời gian phát sinh doanh thu; Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31-8-2015 không có giá trị; DNTN TH đưa ra các số nợ không nhất quán; số nợ xác nhận trong Công văn số 93 ngày 31-8-2015 là số nợ tích lũy của nhiều hợp đồng; Hội đồng xét xử nhận thấy giữa DNTN TH và Công ty G ký kết với nhau nhiều hợp đồng, trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên có tiến hành lập các bảng đối chiếu khối lượng, biên bản đối chiếu công nợ, xuất hóa đơn VAT... Căn cứ vào Công văn số 93/TCKT710 ngày 31-8-2015 của bị đơn phúc đáp công văn thông báo nợ ngày 20-7-2015 của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ, lời khai tại cấp sơ thẩm và xác nhận của người đại diện của bị đơn tại phiên toà phúc thẩm có căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn nợ gốc là 486.702.387 đồng theo các Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT-2012 ngày 08-02-2012; Hợp đồng kinh tế số 25/HĐKT ngày 01-7-2012 và Hợp đồng cung ứng vật tư số 23-12/HĐVT ngày 25-7-2012; đồng thời số tiền nợ gốc 486.702.387 đồng không bao gồm khoản tiền 350.000.000 đồng mà nguyên đơn đã chuyển cho bị đơn ngày 18-9-2012 thông qua tài khoản cá nhân ông Nguyễn Thái A (bản khai ngày 30-10-2018 của người đại diện bị đơn – bút lục số 280). Do đó, cấp sơ thẩm buộc bị đơn phải thanh toán nợ gốc 486.702.380 đồng theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và lãi chậm thanh toán là có cơ sở.*

[3] *Xét kháng cáo của bị đơn đề nghị Toà án xem xét về thời hiệu khởi kiện; Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên họp hoà giải, công khai chứng cứ ngày 11-9-2020 người đại diện hợp pháp của bị đơn có ý kiến không yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu. Sau đó, bị đơn vắng mặt trong các phiên họp hoà giải, công khai chứng cứ tiếp theo, bị đơn không có văn bản ý kiến khác về việc áp dụng thời hiệu khởi kiện nên cấp sơ thẩm xác định ý kiến của bị đơn tại phiên họp ngày 11-9-2020 là ý kiến của cuối cùng của bị đơn để không xét thời hiệu của vụ án là có cơ sở.*

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1235/2022/KDTM-ST ngày 08-7-2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[6] Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định về việc Quyết định lãi, lãi suất trong bản án, quyết định của Tòa án; theo đó *“Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong...”* theo điểm a khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên *“Kể từ ngày ông Võ Văn H- Chủ DNTN TH có đơn yêu cầu thi hành án,...”* là chưa chính xác, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Như Bản án sơ thẩm. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH**

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty G. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 1235/2022/KDTM-ST ngày 08-7-2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H- Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH.

Buộc Công ty G phải thanh toán cho ông Võ Văn H- Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH số tiền gốc là 486.702.380 (bốn trăm tám mươi sáu triệu, bảy trăm lẻ hai ngàn, ba trăm tám mươi) đồng, tiền lãi chậm thanh toán tính đến ngày 08-7-2022 là 331.249.640 (ba trăm ba mươi một triệu, hai trăm bốn mươi chín ngàn, sáu trăm bốn mươi) đồng, tổng số tiền là 817.952.020 (tám trăm mười bảy triệu, chín trăm năm mươi hai ngàn, không trăm hai mươi) đồng theo Hợp đồng kinh tế số 03/HĐKT-2012 ngày 08-02-2012; Hợp đồng kinh tế số 25/HĐKT ngày 01-7-2012 và Hợp đồng cung ứng vật tư số 23-12/HĐVT ngày 25-7-2012 đã ký giữa ông Võ Văn H- Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH và Công ty G.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn H- Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH về việc buộc Công ty G phải trả số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng.

3. Về án phí kinh doanh thương mại:

Án phí sơ thẩm:

Công ty G phải nộp án phí là 36.528.561 (ba mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi tám ngàn, năm trăm sáu mươi một) đồng.

Hoàn trả cho ông Võ Văn H- Chủ Doanh nghiệp tư nhân TH tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.563.000 (hai mươi một triệu, năm trăm sáu mươi ba ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0004265 ngày 05-4-2018 và tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.707.000 (bốn triệu, bảy trăm lẻ bảy ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0005706 ngày 30-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Án phí phúc thẩm: Công ty G phải chịu án phí phúc thẩm 2.000.000 (hai triệu) đồng, nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu số AA/2022/0013350 ngày 05-9-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q. Bình Thạnh;
- Cục THADS TP.HCM
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q. Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trương Thị Quỳnh Trâm**

